

BIỂU SỐ 27/2019

THỐNG KÊ KIỂM SÁT GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

- **Dòng 1 (Số lần VKS trực tiếp kiểm sát (đã có bản kết luận):** Thống kê số lần VKS trực tiếp kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan tư pháp và đã có bản kết luận về lần kiểm sát trực tiếp ấy trong kỳ thống kê (Điều 18 Quy chế 51, Điều 30 Quy trình 546).

- **Dòng 2 (Số lần VKS yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền ra văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo):** Thống kê số lần VKS có văn bản trong kỳ thống kê yêu cầu các cơ quan tư pháp ra văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại (Điều 18 Quy chế 51, Điều 27 Quy trình 546).

- **Dòng 3 (Số lần VKS yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền tự kiểm tra, kiểm tra cấp dưới):** Thống kê số lần VKS đã có văn bản yêu cầu các cơ quan tư pháp tự kiểm tra, kiểm tra cấp dưới trong kỳ thống kê (Điều 18 Quy chế 51, Điều 28 Quy trình 546).

- **Dòng 4 (Số lần cơ quan đã hoàn thành kiểm tra và báo cáo kết quả cho VKS):** Thống kê số lần các cơ quan tư pháp đã hoàn thành kiểm tra và báo cáo kết quả *bằng văn bản* cho VKS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 5 (Số bản VKS yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền cung cấp hồ sơ tài liệu .v.v. liên quan đến việc giải quyết khiếu nại tố cáo cho VKS):** Thống kê số văn bản VKS đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu các cơ quan tư pháp cung cấp hồ sơ tài liệu .v.v. liên quan đến việc giải quyết khiếu nại tố cáo cho VKS (Điều 18 Quy chế 51, Điều 29 Quy trình 546).

- **Dòng 6 (Số việc giải quyết khiếu nại, tố cáo có vi phạm):** Thống kê số việc VKS phát hiện có vi phạm sau khi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan.

- **Dòng 7 (Số bản kiến nghị đã ban hành):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đã ban hành trong kỳ thống kê thông qua hoạt động kiểm sát việc giải quyết khiếu nại tố cáo của các cơ quan tư pháp.

- **Dòng 8 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đã được các cơ quan tư pháp chấp nhận bằng văn bản trả lời, tiếp thu, báo cáo kết quả .v.v. trong kỳ thống kê (kiến nghị có thể trong kỳ, có thể từ kỳ trước).

- **Dòng 9 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS mà các cơ quan tư pháp không chấp nhận bằng văn bản trả lời, v.v. trong kỳ thống kê (kiến nghị có thể trong kỳ, có thể từ kỳ trước).

- **Dòng 10 (Số bản kháng nghị đã ban hành):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS đã ban hành trong kỳ thống kê thông qua hoạt động kiểm sát việc giả quyết khiếu nại tố cáo của các cơ quan tư pháp.

- **Dòng 11 (Số bản kháng nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS đã được các cơ quan tư pháp chấp nhận bằng văn bản trả lời, tiếp thu, báo cáo kết quả .v.v. trong kỳ thống kê (kháng nghị có thể trong kỳ, có thể từ kỳ trước).